

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lam

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Quang Th, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Trú tại số nhà 07, tổ 18, phường Ng, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Ngọc A, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Quang Th trình bày: anh và chị Ngọc A đăng ký kết hôn ngày 04/4/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Phạm Quang Th. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị Trần Ngọc A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ

chị sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, bản thân anh Th không còn tình cảm với chị Trần Ngọc A, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Phạm Quang Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Ngọc A. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chưa có con chung nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Trần Ngọc A nhiều lần nhưng chị Ngọc A không có mặt để tham gia tố tụng, anh Phạm Quang Th có đơn đề nghị không tiến hành phiên hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã đến gia đình chị Trần Ngọc A tuy nhiên chị Trần Ngọc A đi vắng và bố mẹ để cùng cư trú với chị Trần Ngọc A không hợp tác để Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xác minh mâu thuẫn vợ chồng anh chị cũng như không nhận chuyển giúp các văn bản tố tụng cho chị Trần Ngọc A. Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với tổ trưởng tổ dân phố T; Phó trưởng Công an thị trấn V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn V phản ánh về hộ khẩu thường trú của chị Trần Ngọc A; tình trạng hôn nhân của chị Anh Phạm Quang Th và chị Trần Ngọc A như sau:

Chị Trần Ngọc A có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với bố mẹ đẻ chị Ngọc A tại tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B. Tuy nhiên hiện nay chị Trần Ngọc A là lao động tự do, hay đi vắng, thỉnh thoảng mới thấy ở nhà, chính quyền địa phương không biết địa chỉ nơi làm việc hay nơi ở nào khác của chị Trần Ngọc A và chị Trần Ngọc A cũng không khai báo tạm vắng với Công an thị trấn V. Về mâu thuẫn vợ chồng chị Ngọc A chính quyền địa phương không biết vì anh chị không yêu cầu tổ dân phố cũng như Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Tuy hòa giải. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 11/8/2020, mẹ đẻ anh Phạm Quang Th cung cấp: anh Phạm Quang Th và chị Trần Ngọc A tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2018 tại UBND thị trấn V, huyện B, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với mẹ đẻ anh Th. Quá trình chung sống hòa thuận được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, chị Ngọc A bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau, quá trình chung sống anh chị chưa có con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Xét thấy, yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Phạm Quang Th được ly hôn chị Trần Ngọc A. Về con chung: quá trình chung sống anh chị chưa có con chung do đó không đề cập, giải quyết. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: nguyên đơn là anh Phạm Quang Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn là anh Phạm Quang Th có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn là chị Trần Ngọc A, chị Trần Ngọc A có nơi cư trú tại tổ dân phố Tân Lập, thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn anh Phạm Quang Th vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Quang Th và chị Trần Ngọc A.

Về nội dung:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Quang Th và chị Trần Ngọc A xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hòa thuận được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn trầm trọng, chị Trần Ngọc A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng mỗi người ở một nơi và sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh Phạm Quang Th có yêu cầu xin ly hôn chị Trần Ngọc A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Quang Th được ly hôn chị Trần Ngọc A.

[4] *Về việc nuôi con:* Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung, anh Phạm Quang Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về chia tài sản chung:* anh Phạm Quang Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: nguyên đơn anh Phạm Quang Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Quang Th được ly hôn chị Trần Ngọc A.

2. Về án phí: anh Phạm Quang Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001090 ngày 04 tháng 6 năm 2020.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diễm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đông Thành;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Hà Tuấn Vĩnh

Nguyễn Đàm Thuyên Nguyễn Hồng Diệm

Hà Tuấn Vĩnh

